

Số: 43/2013/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ, quản lý tài chính của nhiệm vụ khoa học công nghệ và công tác tổ chức cán bộ của các tổ chức khoa học công nghệ công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học công nghệ công lập và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 104/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ, quản lý tài chính của nhiệm vụ KHCN và công tác tổ chức cán bộ của các tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn thực hiện quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ (sau đây viết tắt là KHCN), quản lý tài chính của nhiệm vụ KHCN và công tác tổ chức cán bộ của các tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các nhiệm vụ KHCN thực hiện theo Thông tư Liên tịch số 66/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHHCN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài

chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số điều Quyết định 846/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm đặt hàng một số sản phẩm KHCN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bao gồm các Viện xếp hạng đặc biệt, các Viện khác trực thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Chương II

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 3. Xác định nhiệm vụ KHCN

Tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ lựa chọn, tổng hợp danh mục các nhiệm vụ KHCN do các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý đề xuất và gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để tổ chức lấy ý kiến xác định nhiệm vụ KHCN và trình Bộ phê duyệt.

Điều 4. Kiểm tra nhiệm vụ KHCN

1. Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ do Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quản lý: Vụ chủ trì, phối hợp với tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ tổ chức kiểm tra định kỳ (hoặc đột xuất nếu cần thiết) theo quy định hiện hành.

2. Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ do Tổng cục quản lý: Tổng cục chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ tổ chức kiểm tra định kỳ (hoặc đột xuất nếu cần thiết) theo quy định hiện hành.

3. Đối với nhiệm vụ đặc thù: Thủ trưởng các tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ tổ chức kiểm tra định kỳ (hoặc đột xuất nếu cần thiết) và báo cáo kết quả về Bộ theo quy định hiện hành.

Điều 5. Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KHCN

1. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Bộ do Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quản lý: Tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở và gửi hồ sơ về Vụ để đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ.

2. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Bộ do Tổng cục quản lý:

a) Tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở và gửi hồ sơ về Tổng cục để đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ;

b) Tổng cục báo cáo kết quả nghiệm thu nhiệm vụ KHCN về Bộ theo quy định hiện hành.

3. Đối với các nhiệm vụ đặc thù: Thủ trưởng các tổ chức KH-CN công lập trực thuộc Bộ tổ chức đánh giá, nghiệm thu và báo cáo Bộ theo quy định hiện hành.

Điều 6. Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án có sản phẩm trí tuệ (giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, quy trình công nghệ, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, phát minh sáng chế) phải đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ và phải đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được công nhận là tiến bộ kỹ thuật mới.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án chỉ được quyền chuyển giao, chuyển nhượng giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, quy trình công nghệ, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, phát minh sáng chế cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sau khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là tiến bộ kỹ thuật mới bằng văn bản.

3. Tổ chức KH-CN công lập trực thuộc Bộ được quyền phân chia sử dụng số tiền thu được trong việc chuyển giao công nghệ theo Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Điều 7. Xây dựng dự toán

1. Các nhiệm vụ KH-CN phải được lập dự toán kinh phí theo biểu mẫu thống nhất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, trong đó dự toán của các nhiệm vụ KH-CN phải được lập theo từng nội dung công việc và phân thành 2 loại: kinh phí khoán chi và kinh phí không khoán chi, được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư 93).

2. Nội dung chi, định mức chi phải thực hiện theo các quy định hiện hành. Trên cơ sở các nội dung của Thuyết minh nhiệm vụ, Chủ nhiệm nhiệm vụ KH-CN xác định các hoạt động phù hợp gắn với từng nội dung dự toán và theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 của liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư 44).

3. Đối với các lĩnh vực, công việc chưa có định mức chi được cấp có thẩm

quyền ban hành, các tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ xây dựng định mức chi tạm thời, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt làm cơ sở xây dựng dự toán và thực hiện khoán chi.

4. Đơn giá tính dự toán, ngoài việc áp dụng định mức chi và đơn giá quy định tại các Thông tư của các Bộ, thống nhất một số mức chi như sau:

a) Đơn giá công lao động:

- Công lao động kỹ thuật được tính tối đa bằng tiền lương và các khoản phải đóng góp theo lương của 01 cán bộ khoa học ở bậc lương bình quân với hệ số là 3,66. Công lao động kỹ thuật chỉ được tính cho số lao động hợp đồng tham gia thực hiện đề tài, dự án. Đối với cán bộ khoa học trong biên chế, hưởng lương của các tổ chức KHCN công lập nếu phải thực hiện các công việc của đề tài, dự án ngoài giờ thì được tính công ngoài giờ theo qui định;

- Đối với công lao động phổ thông, Thủ trưởng tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án căn cứ giá cả thị trường ở từng khu vực phù hợp với từng thời điểm lập dự toán để xác định, mức chi tối đa bằng 80% công lao động kỹ thuật;

- Đối với các công việc phải thuê chuyên gia trong nước áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2010/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 6 năm 2010 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về quy định tiền lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện gói thầu tư vấn và áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước;

- Trường hợp cần thuê chuyên gia nước ngoài thì căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ và khả năng kinh phí, thủ trưởng tổ chức KHCN công lập quyết định hoặc phân cấp quyết định mức chi theo hợp đồng thực tế thoả thuận với chuyên gia đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

b) Áp dụng hình thức “chuyên đề”:

- Đơn vị thực hiện đề tài, dự án chịu trách nhiệm xây dựng đề cương, giao nhiệm vụ, nghiệm thu nội dung, thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí của chuyên đề.

- Đối với nhiệm vụ KHCN đặc thù, Thủ trưởng tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ thẩm định và phê duyệt số lượng, loại chuyên đề và kinh phí cho các chuyên đề đảm bảo không vượt mức trần theo quy định tại Thông tư 44; Đối với nhiệm vụ cấp Bộ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm định số lượng và loại chuyên đề, Vụ Tài chính thẩm định kinh phí chuyên đề và trình Bộ phê duyệt tổng thể.

c) Đối với các loại vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì giá này là cơ sở để lập dự toán; trường hợp không có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành, chủ trì đề tài, dự án căn cứ báo giá trên thị trường ở thời điểm lập dự toán để xác định đơn giá và báo cáo thủ trưởng trực tiếp phê duyệt.

5. Dự toán chi đoàn ra, đoàn vào, tổ chức hội nghị, hội thảo thực hiện theo hướng dẫn tại các quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền và theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Thủ trưởng tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ phê duyệt chi tiết dự toán chi đoàn ra, đoàn vào, tổ chức hội nghị, hội thảo của các đơn vị trực thuộc đảm bảo không vượt mức trần đã được phê duyệt tại Thuyết minh tổng thể.

6. Dự toán các nội dung có tính chất đầu tư:

a) Nội dung có tính chất đầu tư bao gồm: sửa chữa hạ tầng cơ sở, mua sắm máy móc thiết bị (hình thành tài sản cố định) và thuê tài sản phục vụ trực tiếp thực hiện đề tài, dự án;

b) Trong một số trường hợp cần thiết, Vụ Khoa học, công nghệ và Môi trường phối hợp với Vụ Tài chính xem xét trình Bộ chấp thuận chi phí thuê tài sản, cơ sở hạ tầng; Trường hợp không có tổ chức cho thuê, Vụ Khoa học, công nghệ và Môi trường phối hợp với Vụ Tài chính xem xét trình Bộ chấp thuận mua sắm, sửa chữa.

7. Các nội dung, mức chi quy định tại Điều này là căn cứ xây dựng dự toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án. Dự toán kinh phí và phân bổ kinh phí được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt là mức tối đa để thực hiện đề tài, dự án.

8. Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu KHCN thực hiện trong các khuôn khổ dự án ODA, NGO: đơn giá, định mức chi theo định mức quy định của nhà tài trợ.

Điều 8. Thẩm định và phê duyệt thuyết minh, dự toán

1. Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ:

a) Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ do Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quản lý: Trên cơ sở thuyết minh, dự toán tổng thể đã được Tổ chức KHCN trực thuộc Bộ xây dựng, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì phối hợp với Vụ Tài chính thẩm định nội dung và kinh phí phê duyệt thuyết minh và dự toán tổng thể trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

b) Đối với các nhiệm vụ cấp Bộ do Tổng cục quản lý: Trên cơ sở thuyết minh, dự toán tổng thể đã được Tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ xây dựng, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính và Tổng cục thẩm định nội dung và kinh phí Tổng cục phê duyệt thuyết minh và dự toán tổng thể trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

2. Đối với nhiệm vụ KHCN đặc thù: Thủ trưởng các tổ chức KHCN thuộc Bộ tổ chức thẩm định, phê duyệt thuyết minh và dự toán chậm nhất sau 01 tháng tính từ ngày Bộ phê duyệt danh mục.

3. Việc thẩm định nội dung, kinh phí và phê duyệt thuyết minh, dự toán được thực hiện theo hướng dẫn tại các văn bản hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu KHCCN thực hiện trong các khuôn khổ dự án ODA, NGO: thủ tục thẩm định và quản lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định 38); Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định 93); các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định 38, Nghị định 93 và quy định của nhà tài trợ.

Điều 9. Sử dụng kinh phí của đề tài, dự án

1. Thủ trưởng tổ chức KHCCN công lập trực thuộc Bộ chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện thủ tục kiểm soát chi, thanh toán theo dự toán chi tiết đã được phê duyệt (nội dung, khoản mục), cuối năm đối chiếu với Kho bạc Nhà nước (sau đây gọi tắt là KBNN), xác nhận sử dụng kinh phí; chỉ đạo Thủ trưởng đơn vị thực hiện và Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện đúng thẩm quyền về mua sắm nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, tài sản thiết bị (mua sắm, đấu thầu). Đối với phần hợp tác quốc tế trong đề tài, dự án, Thủ trưởng đơn vị thực hiện đề tài, dự án phê duyệt dự toán, quyết toán riêng và tổng hợp vào dự toán, quyết toán chung của đề tài, dự án. Chi cho tiền công và chuyên đề: có thể lựa chọn sử dụng hình thức chấm công hoặc hợp đồng giao khoán.

2. Về sử dụng kinh phí dự án:

a) Đối với các nội dung chi được giao khoán: Chủ nhiệm đề tài, dự án được chủ động áp dụng mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức quy định tùy theo chất lượng, hiệu quả công việc và phù hợp với Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan chủ trì;

b) Đối với các nội dung chi không được giao khoán: Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện quản lý và chi tiêu theo các quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 10. Về điều chỉnh dự toán

1. Dự toán được điều chỉnh khi có sự thay đổi về nội dung, khối lượng, định mức, đơn giá hoặc do tác động khách quan như thiên tai, dịch bệnh dẫn đến thay đổi dự toán của các nội dung, khoản mục hoặc thay đổi cả tổng dự toán.

2. Trường hợp cần điều chỉnh tổng dự toán: Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, khi chỉ số giá tiêu dùng do Tổng cục thống kê công bố tăng từ 20% trở lên so với thời điểm dự toán được phê duyệt hoặc do tác động khách quan như thiên tai, dịch bệnh dẫn đến thay đổi tổng dự toán từ 20% trở lên, Thủ trưởng các tổ chức KHCCN công lập trực thuộc Bộ có văn bản báo cáo giải trình và đề nghị điều chỉnh.

a) Đối với các nhiệm vụ KHCCN cấp Bộ:

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính thẩm định, trình Bộ phê duyệt điều chỉnh tổng dự toán; trường hợp nhiệm vụ được giao cho Tổng cục quản lý thì Tổng cục chủ trì, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Vụ Tài chính tham gia thẩm định.

b) Đối với nhiệm vụ KHCN đặc thù: Thủ trưởng các tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ phê duyệt việc điều chỉnh tổng dự toán sau khi có ý kiến chấp thuận của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

3. Trường hợp không phải điều chỉnh tổng dự toán, việc điều chỉnh dự toán chi tiết thực hiện cụ thể như sau:

a) Đối với phần kinh phí được giao khoán: Trong phạm vi tổng dự toán kinh phí được giao khoán và không thay đổi giữa các khoản mục, trên cơ sở đề xuất của chủ nhiệm đề tài, dự án, thủ trưởng cơ quan chủ trì được quyền quyết định điều chỉnh dự toán phần kinh phí giữa các nội dung chi theo yêu cầu thực tế của công việc;

b) Đối với phần kinh phí không được giao khoán: Trong trường hợp cần thiết, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chi (nếu không thay đổi giữa các khoản mục) với mức điều chỉnh tối đa 10%. Trường hợp điều chỉnh từ 10% trở lên chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 11. Về quyết toán nhiệm vụ KHCN và xử lý số dư cuối năm

1. Việc quyết toán nhiệm vụ KHCN thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 93, văn bản hướng dẫn quyết toán hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hướng dẫn quản lý đề tài, dự án KHCN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Đối với công lao động: Hồ sơ quyết toán là Hợp đồng lao động hoặc Hợp đồng giao khoán; phải có đầy đủ thông tin cá nhân của người hợp đồng do chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN ký và được Thủ trưởng đơn vị thực hiện nhiệm vụ KHCN xác nhận; trường hợp cá nhân thực hiện Hợp đồng không thuộc tổ chức pháp nhân nào thì phải ghi rõ họ và tên, giới tính, chứng minh thư nhân dân (số, ngày cấp, nơi cấp) điện thoại, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, mã số thuế (nếu có) và phải có xác nhận của chính quyền địa phương Xã, Phường;

b) Đối với “chuyên đề”: Hồ sơ quyết toán bao gồm: hợp đồng (hoặc bản giao nhiệm vụ) kèm theo đề cương, dự toán của chuyên đề, chứng từ chi trả cho người thực hiện chuyên đề (mức khoán gọn), nghiệm thu hoặc xác nhận kết quả hoàn thành chuyên đề của chủ nhiệm đề tài, dự án (hoặc của Thủ trưởng đơn vị thực hiện đề tài, dự án) và thanh lý hợp đồng; các tài liệu trong hồ sơ phải có xác nhận của tổ chức thực hiện đề tài, dự án.

2. Nhiệm vụ KHCN phải được quyết toán theo niên độ ngân sách năm. Điều kiện để được quyết toán gồm:

a) Có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền về kết quả thực hiện các nội dung;

b) Đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư 93 và văn bản hướng dẫn quyết toán của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Tổ chức KHCN công lập có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo kiểm tra

và xét duyệt quyết toán của Chủ nhiệm nhiệm vụ để tổng hợp vào báo cáo quyết toán của đơn vị gửi cơ quan chủ quản để thẩm định theo quy định tại Thông tư 93.

4. Số dư (dự toán, tạm ứng) của các đề tài, dự án đang trong thời gian thực hiện theo kế hoạch đã được duyệt, được chuyển sang năm sau thực hiện tiếp, thủ tục chi tiết quy định tại Thông tư 108/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm (sau đây gọi tắt là Thông tư 108). Đơn vị thực hiện nhiệm vụ KHCN phải xác nhận đủ các biểu mẫu 02/DVDT và 03/DVDT (hướng dẫn tại Thông tư 108) với KBNN nơi giao dịch.

5. Đối với nhiệm vụ kết thúc trong năm:

a) Trường hợp thời hạn kết thúc trước ngày 30 tháng 9, phải nghiệm thu và quyết toán trước ngày 31 tháng 12 cùng năm; trường hợp đặc biệt có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét gia hạn và được xử lý cho phép chuyển nội dung và kinh phí chưa thực hiện sang năm sau;

b) Trường hợp thời hạn kết thúc sau 30 tháng 9 đến trước ngày 31 tháng 12 của năm, thời gian hoàn thành việc nghiệm thu ở cấp quản lý trực tiếp xong trước ngày 31 tháng 12 và phải quyết toán trước ngày 25 tháng 01 năm sau để đảm bảo thời hạn xử lý số dư theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư 108.

Điều 12. Về sử dụng kinh phí quản lý và tiết kiệm của đề tài, dự án

1. Việc sử dụng kinh phí quản lý các đề tài, dự án thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ.

2. Kinh phí tiết kiệm phải được đơn vị thực hiện đề tài, dự án phản ánh tại báo cáo quyết toán của từng đề tài, dự án. Đơn vị thực hiện đề tài, dự án tổ chức quyết toán tài chính và xác định số kinh phí tiết kiệm, báo cáo tổ chức KHCN cấp trên.

a) Trường hợp số tiết kiệm ở dạng số dư tại KBNN: đơn vị thực hiện đề tài, dự án có bảng kê, báo cáo quyết toán với kho bạc nhà nước trước ngày 31 tháng 12 và đề nghị cho rút kinh phí được xác định là số kinh phí tiết kiệm.

b) Trường hợp số tiết kiệm ở dạng số tạm ứng đã rút về: đơn vị thực hiện đề tài, dự án quyết toán sau khi thanh toán số tạm ứng và xác định được số kinh phí tiết kiệm thì đơn vị đề nghị KBNN, cơ quan chủ trì cho chuyển số dư tạm ứng để xử lý số tiết kiệm này.

3. Xử lý kinh phí tiết kiệm:

a) Kinh phí tiết kiệm từ phần được giao khoán được sử dụng để khen thưởng tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện đề tài, dự án theo các quy định cụ thể tại Thông tư 93. Mức thưởng cụ thể cho từng cá nhân do cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ đề xuất thủ trưởng cơ quan chủ trì quyết định và phù hợp với Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức KHCN công lập;

b) Kinh phí tiết kiệm từ phần không giao khoán được trích vào Quỹ phát triển sự nghiệp của đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Điều 13. Xử lý tài sản khi đề tài, dự án kết thúc

1. Trường hợp tài sản được mua sắm bằng nguồn ngân sách nhà nước thì tài sản là tài sản nhà nước; sau khi đề tài, dự án hoàn thành, nghiệm thu và quyết toán kinh phí, trên cơ sở đề nghị của tổ chức chủ trì, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền cho Vụ trưởng Vụ Tài chính xem xét xử lý như sau:

a) Cho phép tổ chức chủ trì giữ lại tiếp tục sử dụng;

b) Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị của nhà nước có nhu cầu sử dụng hoặc còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do nhà nước quy định;

c) Cho phép tổ chức thanh lý;

d) Việc xử lý tài sản được xác định và ghi tại Biên bản quyết toán của Bộ.

2. Trường hợp tài sản được mua sắm bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thì việc xử lý tài sản khi đề tài, dự án kết thúc thực hiện theo thỏa thuận trong văn kiện dự án giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và nhà tài trợ.

Chương IV

CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ

Điều 14. Về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc và tiền lương

Thủ trưởng tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức bộ máy, biên chế tiền lương như sau:

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức không có tư cách pháp nhân con dấu, tài khoản riêng như: Phòng, Bộ môn (sau đây gọi tắt là tổ chức không có tư cách pháp nhân) thuộc tổ chức KHCN sau khi báo cáo và được Bộ trưởng đồng ý về chủ trương bằng văn bản.

Trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức không có tư cách pháp nhân thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Phê duyệt điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của các tổ chức trực thuộc theo quy định hiện hành. Trường hợp đối với điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của các Viện, Trung tâm trực thuộc Viện xếp hạng đặc biệt phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ trước khi ban hành.

3. Tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ thẩm định đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý; tổng hợp, xây dựng đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm của toàn bộ tổ chức KHCN và báo cáo Bộ thẩm định phê

duyet theo quy định.

Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự: quyết định số lượng người làm việc trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được Bộ trưởng phê duyệt và quản lý viên chức theo thẩm quyền được giao.

4. Quyết định nâng lương viên chức từ ngạch nghiên cứu viên chính và tương đương trở xuống theo quy định của pháp luật; báo cáo về Bộ việc thực hiện nâng lương của đơn vị theo quy định hiện hành.

Điều 15. Về công tác cán bộ

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái, luân chuyển, nghỉ hưu, kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Viện xếp hạng đặc biệt; Viện trưởng, Phó Viện trưởng các Viện trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Giám đốc Viện xếp hạng đặc biệt quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, kỷ luật đối với các chức danh từ Trưởng Ban, Phó Trưởng ban; Viện trưởng, Phó Viện trưởng; Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm; Giám đốc, Phó Giám đốc Phòng thí nghiệm trọng điểm và các tổ chức khác trực thuộc Viện xếp hạng đặc biệt. Giám đốc Viện xếp hạng đặc biệt phải báo cáo và được Bộ trưởng đồng ý bằng văn bản về chủ trương trước khi triển khai quy trình, thủ tục bổ nhiệm đối với các chức danh Trưởng Ban, Phó trưởng Ban; Viện trưởng, Phó Viện trưởng; Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm; Giám đốc, Phó Giám đốc Phòng Thí nghiệm trọng điểm và các tổ chức khác trực thuộc Viện xếp hạng đặc biệt.

Giám đốc Viện xếp hạng đặc biệt quyết định các chức danh khác (không quy định tại khoản này) theo quy định của pháp luật.

3. Viện trưởng Viện trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, kỷ luật đối với cấp trưởng, cấp phó của các đơn vị trực thuộc Viện theo quy định của pháp luật.

4. Thủ trưởng tổ chức KH-CN công lập quy định về việc ký hợp đồng thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2013.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 67/2010/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học công nghệ công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ, Website Chính phủ;
- Website Bộ NN & PTNT;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Cao Đức Phát